TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/DS-PT
Ngày: 18-4-2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đắc Đương

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính - Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Mai Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 194/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (Xin xét xử vắng mặt)

2. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện T; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Ngọc Đ, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch huyện T. (Có mặt)

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1984 - Nhân viên Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện T; địa chỉ: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị T là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày: Bà có vay vốn tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện T số tiền 5.000.000 đồng, mục đích vay chăn nuôi, sau đó bà có trả được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 4.000.000 đồng, lãi hàng tháng bằng 31.200 đồng, việc đóng lãi là do tổ trưởng ấp đi thu, người trực tiếp đi thu lãi là ông Nguyễn Văn T. Ngày 08/12/2016, ông Nguyễn Văn T đến nhà bà để thu tiền lãi của khoản vay xây dựng nhà ở 167, lai thu bằng 1.473.873 đồng (có 31.200 đồng tiền lãi chăn nuôi của khoản vay 4.000.000 đồng), ông Nguyễn Văn T có đem lai thu tiền trên đưa cho bà và bà đưa cho ông Nguyễn Văn T bằng 1.473.873 đồng tiền lãi và lúc này bà có đưa cho ông Nguyễn Văn T bằng 4.000.000 đồng và cuốn sổ vay vốn nhờ ông Nguyễn Văn T đi đóng lãi rồi trả tiền vay tại Ngân hàng giùm bà, số tiền 4.000.000 đồng và cuốn sổ bà đưa cho ông Nguyễn Văn T không có làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến. Ngày 01/6/2017, bà có ký vào hồ sơ gia hạn nợ do ông Nguyễn Văn T làm sẵn mang lại cho bà ký, lúc ký ông Nguyễn Văn T nói ký để được nâng vốn vay lên, chứ không phải ký gia hạn nợ, lúc ký bà không có đọc kỹ nội dung. Ngày 28/6/2017, tại điểm giao dịch Xã, bà mang 4.000.000 đồng ra trả tiền để được nâng vốn vay chứ không phải thanh toán nợ vay chăn nuôi, do máy tính Ngân hàng báo hiện nay bà không còn nợ tiền vay chăn nuôi thì được ông Nguyễn Văn T nói tiền vay 4.000.000 đồng ngày 12/6/2017 ông Nguyễn Trọng N (cán bộ Ngân hàng) có thanh toán giùm bà rồi, giờ bà đưa 4.000.000 đồng để ông Nguyễn Văn T trả lại cho ông Nguyễn Trọng N nên bà đưa cho ông Nguyễn Văn T 4.000.000 đồng để trả lại cho ông Nguyễn Trọng N coi như bà đã hoàn thành xong nợ vay chăn nuôi bằng 4.000.000 đồng với Ngân hàng và lai thu tiền ông Nguyễn Trọng N đã đưa cho bà rồi. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả 4.000.000 đồng bà đã đưa cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 08/12/2016 và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất bằng 1,5%/tháng tính từ ngày 08/12/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Số tiền này bà chỉ yêu cầu cá nhân ông Nguyễn Văn T trả không yêu cầu ai khác cùng có trách nhiệm trả với ông Nguyễn Văn T.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Ngày 08/12/2016, ông có đến nhà bà Lê Thị T để thu tiền lãi của khoản vay theo hình thức xây dựng nhà ở 167, lai thu tiền bằng 1.473.873 đồng (trong đó có 31.200 đồng tiền lãi chăn nuôi của khoản vay 4.000.000 đồng), bà Lê Thị T đưa tiền lãi cho ông bằng 1.473.873 đồng và ông đưa lai thu lãi cho bà Lê Thị T, ông

không có nhận của bà Lê Thị T số tiền 4.000.000 đồng và cuốn sổ vay vốn để trả tiền vay tại Ngân hàng giùm bà Lê Thị T. Ngày 01/6/2017, ông đến nhà bà Lê Thị T lấy cuốn sổ vay vốn để làm hồ sơ gia hạn nợ vay cho bà Lê Thị T, giấy gia hạn nợ là do bà Lê Thị T ký. Ngày 28/6/2017, tại điểm giao dịch xã T bà Lê Thị T ra thanh toán nợ để được nâng vốn vay thêm, sau khi làm thủ tục bà Lê Thị T thì máy không có báo phần tiền vay chăn nuôi 4.000.000 đồng của bà Lê Thị T, lúc này bà Lê Thị T hỏi và ông có nói tiền vay của bà Lê Thị T phải chuyển nợ quá hạn nên ông Nguyễn Trọng N (cán bộ Ngân hàng) thanh toán thay cho bà vào ngày 12/6/2017, nên bà Lê Thị T mới đưa cho ông số tiền 4.000.000 đồng để ông trả lại cho ông Nguyễn Trọng N và ông Nguyễn Trọng N đã nhận số tiền 4.000.000 đồng của bà Lê Thị T vào ngày 28/6/2017, còn lai thu tiền ông Nguyễn Trọng N đưa cho bà Lê Thị T rồi. Ông không có nhận của bà Lê Thị T số tiền 4.000.000 đồng vào ngày 08/12/2016 để trả tiền vay tại Ngân hàng giùm bà Lê Thị T, nên ông không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Lê Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn Văn T (là tổ trưởng tổ vay vốn của hội viên ở ấp N), nếu hộ nào muốn vay vốn thì hình thức vay do địa phương xem xét, bà chịu trách nhiệm lập hồ sơ và báo cáo với Ngân hàng, phía Ngân hàng cử cán bộ xuống thẩm tra hội viên, nếu hội viên được vay vốn bà là người làm hồ sơ và hội viên liên hệ với Ngân hàng ký thủ tục và nhận tiền vốn vay, tổ trưởng ấp chỉ phụ trách thu tiền lãi hàng tháng. Ngày 08/12/2016, Ngân hàng có ra lai thu tiền lãi của khoản vay xây dựng nhà ở 167, ông Nguyễn Văn T có đến nhà bà Lê Thị T để đưa lai thu tiền bằng 1.473.873 đồng, bà không có nghe ông Nguyễn Văn T nói có nhận của bà Lê Thị T số tiền 4.000.000 đồng và cuốn sổ vay vốn vào ngày 08/12/2016. Nay bà Lê Thị T khởi kiện cho rằng có đưa cho ông Nguyễn Văn T số tiền 4.000.000 đồng để nhờ ông Nguyễn Văn T trả Ngân hàng giùm thì bà không biết. Nếu ông Nguyễn Văn T có nhận thì ông Nguyễn Văn T trả một mình cho bà Lê Thị T không liên quan đến bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh - Phòng giao dịch huyện T, bà Ngô Ngọc Đ trình bày: Hộ bà Lê Thị T có vay vốn chăn nuôi tại Ngân hàng vốn vay ban đầu số tiền 5.000.000 đồng, đã thanh toán được 1.000.000 đồng, còn nợ lại Ngân hàng số tiền 4.000.000 đồng, hàng tháng Ngân hàng ra lai thu lãi và đều giao về cho tổ vay vốn ấp, xã thu nếu tổ không thu lãi được thì báo cáo lại Ngân hàng và Ngân hàng thu lai về và được quyền tự hủy lai, trong thời gian vay hộ nào đóng lãi và trả nợ đều thể hiện trên mẫu số 13/TT. Đến ngày 11/6/2017, ông Nguyễn Văn T đến đăng tiền lãi của khoản vay xây dựng nhà ở 167 số tiền 1.473.873 đồng (trong đó có 31.200 đồng lãi chăn nuôi của khoản vay 4.000.000 đồng). Lúc đăng nộp, thay vì ông Nguyễn Văn T chỉ đăng đủ số tiền bằng 1.473.873 đồng, nhưng ông Nguyễn Văn T lại đăng 1.500.000 đồng được thể hiện trên mẫu số 13/TT, nên cán bộ thu ngân kiểm tra lại mẫu số 13/TT của hộ vay nên thấy phần lãi chăn nuôi của bà Lê Thị T còn nợ tiền lãi 06 tháng bằng 189.280 đồng nên cán bộ thu ngân đã thu qua bên lãi chăn nuôi trước để gia hạn nợ cho hộ bà Lê Thị T phần còn lại bằng 1.310.127 đồng mới thu

qua lãi xây dựng nhà ở 167. Đến ngày 12/6/2017, hạn trả nợ chăn nuôi của hộ bà Lê Thị T đến hạn nên Ngân hàng thu hồi vốn 4.000.000 đồng và tiền lãi 01 ngày bằng 1.352 đồng và bà Lê Thị T đã hoàn thành xong nợ vay với Ngân hàng. Còn bà Lê Thị T khởi kiện ông Nguyễn Văn T yêu cầu trả số tiền 4.000.000 đồng đã đưa ngày 08/12/2016 Ngân hàng không biết và cũng không có ý kiến, để cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn T giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 93, 147, 228, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn T hoàn trả 4.000.000 đồng bà đưa cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 08/12/2016.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/02/2018, bà Lê Thị T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Văn T trả cho bà 4.000.000 đồng mà bà đã đưa cho ông Nguyễn Văn T ngày 08/12/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét về nội dung kháng cáo của bà Lê Thị T cho rằng có đưa ông Nguyễn Văn T 4.000.000 đồng cùng cuốn sổ vay tiền, khi bà đưa cho ông Nguyễn Văn T không có ai chứng kiến, nhưng ông Nguyễn Văn T không thừa nhận bà cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho việc đưa 4.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T, tại phiên tòa phúc thẩm bà Lê Thị T không cung cấp hoặc bổ sung chứng cứ gì mới cho việc bà đưa cho ông Nguyễn Văn T số tiền 4.000.000 đồng như bà đã trình bày. Mặc khác khi ông Nguyễn Văn T nhận của bà Lê Thị T 1.473.873 đồng khoản tiền vay xây dựng nhà ở (có 31.200

đồng tiền lãi vay 4.000.000 đồng) ông Nguyễn Văn T đều ra lai, tại sao thu 4.000.000 đồng của bà như bà trình bày mà không yêu cầu ông Nguyễn Văn T ra lai, cho nên việc kháng cáo của bà Lê Thị T yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Văn T phải trả 4.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận, án sơ thẩm bác yêu cầu của bà Lê Thị T là có căn cứ.

Từ những chứng cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị T giữ nguyên bản án sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 09/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị T còn trong hạn luật định được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Lê Thị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Nguyễn Văn T trả cho bà 4.000.000 đồng mà bà đã đưa cho ông Nguyễn Văn T ngày 08/12/2016, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả cho bà số tiền 4.000.000 đồng mà bà cho rằng đã đưa cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 08/12/2016 và bà có lời khai cho rằng do tin tưởng ông Nguyễn Văn T là người đi thu tiền lãi nên bà đưa tiền nhờ ông Nguyễn Văn T trả Ngân hàng giùm bà, việc đưa tiền này không có làm giấy tờ và không có ai chứng kiến; phía bị đơn ông Nguyễn Văn T không thừa nhận có nhận số tiền này của bà Lê Thị T; tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Lê Thị T cũng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu của bà.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị T là không có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tại phiên tòa, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị T không được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2018/DS-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh về việc "Tranh chấp đòi đòi lại tài sản" giữa nguyên đơn bà Lê Thị T với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Các quyết định khác bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0015314 ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Đắc Đương